

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;

Căn cứ Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 50 /NQ-UBND ngày 16 /02/2024 của UBND tỉnh về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 20/TTr-SNV ngày 19/01/2024 và đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 01/TTr-BDT ngày 05/01/2024 (gửi kèm theo Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân tộc ngày 05/01/2024).

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên, như sau:

**I. Tổng số vị trí việc làm đề nghị phê duyệt:** 24 vị trí, trong đó:

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 06 vị trí.
2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 01 vị trí.
3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 14 vị trí.
4. Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ: 03 vị trí.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)*

**2. Về cơ cấu ngạch công chức:**

1. Công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương: 00/09 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, đạt tỷ lệ 0%.

2. Công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống: 09/09 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, đạt tỷ lệ 100%.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*

**Điều 2.** UBND tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên:

1. Căn cứ vị trí việc làm để xác định biên chế công chức và hợp đồng tại các vị trí hỗ trợ, phục vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc, bảo đảm không vượt số biên chế UBND tỉnh giao; rà soát điều chỉnh biên chế của từng vị trí việc làm theo lộ trình tinh giản biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

2. Căn cứ danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc đã được UBND tỉnh phê duyệt; rà soát, bố trí; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức chưa đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, trình độ chuyên môn hoặc giải quyết các trường hợp không phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

3. Đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) điều chỉnh, bổ sung danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của vị trí việc làm khi cần thiết.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thuộc Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên và Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thuộc Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**PHỤ LỤC 1**

**Danh mục vị trí việc làm của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 197 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Vị trí việc làm	Ngạch công chức	Số lượng vị trí việc làm	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>24</b>	
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>		<b>6</b>	
1	Trưởng Ban		1	
2	Phó Trưởng Ban		1	
3	Trưởng phòng thuộc Ban		1	
4	Phó Trưởng phòng thuộc Ban		1	
5	Chánh Văn phòng thuộc Ban		1	
6	Phó Chánh Văn phòng thuộc Ban		1	
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		<b>1</b>	
1	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên	1	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung</b>		<b>14</b>	
1	Kế toán viên	Kế toán viên	1	
2	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	1	
3	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự	1	
4	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	1	
5	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	1	
6	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	1	
7	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	1	
8	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	1	
9	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	1	
10	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	1	
11	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên	1	
12	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	1	
13	Cán sự về lưu trữ	Cán sự	1	
14	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên	1	
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ</b>		<b>3</b>	
1	Nhân viên Phục vụ		1	
2	Nhân viên Lái xe		1	
3	Nhân viên Bảo vệ		1	

**PHỤ LỤC 2**

**Cơ cấu ngạch công chức của Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên**  
(Kèm theo Quyết định số: 197/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của UBND tỉnh)

TT	Vị trí việc làm	Ngạch công chức	Biên chế bố trí	Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức (%)		Ghi chú
				Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương trở xuống	
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>		<b>7</b>			
1	Trưởng Ban		1			
2	Phó Trưởng Ban		2			
3	Trưởng phòng thuộc Ban		1			
4	Phó Trưởng phòng thuộc Ban		1			
5	Chánh Văn phòng thuộc Ban		1			
6	Phó Chánh Văn phòng thuộc Ban		1			
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành</b>		<b>6</b>			
1	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên	6		66,67	
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung</b>		<b>3</b>			
1	Kế toán viên	Kế toán viên	1		11,11	
2	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	1		11,11	
3	Cán sự về hành chính - văn phòng	Cán sự	1		11,11	
4	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	Kiểm nhiệm			
5	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	Kiểm nhiệm			
6	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiểm nhiệm			

TT	Vị trí việc làm	Ngạch công chức	Biên chế bố trí	Tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức (%)		Ghi chú
				Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương trở xuống	
7	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Kiểm nhiệm			
8	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	Kiểm nhiệm			
9	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	Kiểm nhiệm			
10	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	Kiểm nhiệm			
11	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên	Kiểm nhiệm			
12	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	Kiểm nhiệm			
13	Cán sự về lưu trữ	Cán sự	Kiểm nhiệm			
14	Nhân viên thủ quỹ	Nhân viên	Kiểm nhiệm			
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ</b>					
1	Nhân viên phục vụ					
2	Nhân viên lái xe					
3	Nhân viên bảo vệ					
	<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>0</b>	<b>100</b>	

